

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/DS - ST

Ngày 20/6/2018

“V/v tranh chấp thừa kế tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Chấn

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Văn A - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai thụ lý số 57/2017/TLST-DS ngày 15/11/2017 về tranh chấp thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-DS ngày 02/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Tr, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đội 3, thôn Ng, xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Trương Văn Ch, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đội 3, thôn Ng, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1942 (có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã Ph, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

Ông Đặng Thế Ph, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đội 3, thôn Ng, xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội.

Ông Đặng Đăng L, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đội 3, xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội.

Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khu tập thể Thảm Len, xã K, huyện G, Thành phố Hà Nội.

Chị Trương Thị Th, sinh năm 1974 (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tập thể nông trường K, xã K, huyện G, Thành phố Hà Nội.

Chị Trương Thị Quỳnh A, sinh năm 1995 và chị Trương Thị Quỳnh H, sinh năm 1998 (vắng mặt lần 2 không lý do)

Đều ở địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện G, Thành phố Hà Nội.

Ông Bùi Đức Th, sinh năm 1960 (có mặt)

Anh Bùi Đức T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Anh Bùi Quốc N, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988 (vợ anh T vắng mặt)

Chị Đặng Thị H, sinh năm 1983 (vợ anh Ch vắng mặt)

Đều ở địa chỉ cư trú: Đội 3, thôn Ng, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện G cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà Đặng Thị Tr trình bày: Bố mẹ bà là cụ Đặng Văn T (chết ngày 12/02/ 2012) và cụ Nguyễn Thị B (chết ngày 23/12/ 2005), hai cụ sinh được 06 người con chung là: Bà Đặng Thị Th sinh năm 1942; ông Đặng Thế Ph sinh năm 1952; ông Đặng Thế L sinh năm 1956; bà Đặng Thị Tr sinh năm 1960; ông Đặng Minh S sinh năm 1950 (hy sinh năm 1969) chưa có vợ con và bà Đặng Thị Th sinh năm 1947 (chết ngày 07/6/2000).

Bà Đặng Thị Th và ông Trương Văn V sinh được 04 người con gồm Trương Văn T, Trương Văn Đ, Trương Thị Th và anh Trương Văn Ch.

Anh Trương Văn T sinh năm 1971 đã chết ngày 26/7/2007 có vợ là Trịnh Thị Tr sinh năm 1971 chết ngày 22/9/2016 sinh được hai người con là Trương Thị Quỳnh A và Trương Thị Quỳnh H.

Theo bà Đặng Thị Tr (nguyên đơn) trước khi chết bố mẹ bà chết không để lại di chúc mà chỉ nói miệng là di sản mà bố mẹ bà để lại là diện tích đất 390m² đất trồng cây lâu năm đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp mang tên Đặng Văn T và Nguyễn Thị B ngày 27/7/2009 tại thôn Ng, xã Đ, huyện G cho ba chị em gái là Đặng Thị Th1, Đặng Thị Th2 và Đặng Thị Tr, chị gái cả là bà Th1 không nhận nên chỉ còn bà Th2 và bà Tr sử dụng, đến năm 1999 thì mẹ con bà Th2 có xin anh chị em làm một nhà cấp 4 diện tích khoảng 40m² và công trình phụ, năm 2005 gia đình bà Tr cũng lên khu đất đó và xây dựng một nhà mái bằng 02 tầng và tạm thời phân định ranh giới đất giữa gia đình bà Tr và gia đình anh Ch như hiện nay. Nay mọi người trong diện thừa kế cơ bản thống nhất về di sản thừa kế, chỉ còn hai người con của anh T là Trương Thị Quỳnh A và Trương Thị Quỳnh H không hợp tác trong việc phân chia di sản thừa kế được lập tại Văn phòng Công chứng A, nên bà đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là diện tích đất do bố mẹ bà để lại với diện tích 390m² (diện tích đất đo theo thực tế là 418,4m²) theo pháp luật.

Anh Trương Văn Ch (bị đơn) thống nhất như lời trình bày của bà Tr về di sản thừa kế và hàng thừa kế, khi ông bà ngoại anh cũng như mẹ anh, anh trai anh chết không để lại di chúc. Về di sản thừa kế anh thừa nhận là hiện nay anh đang sử dụng một phần diện tích đất trong tổng số là 390m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích đất được đo thực tế là 418,4m²) là di sản của ông bà ngoại anh để lại, giữa anh và bà Tr đã tạm thời phân định ranh giới, nên anh đã xây dựng một số công trình trên đất, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật và anh xin được nhận phần thừa kế khác cho anh và bà Tr, anh sẽ có trách nhiệm trả chênh lệch cho các hàng thừa kế khác theo quy định của pháp luật.

Tại các bản tự khai cũng như biên bản lấy lời khai của bà Th1, ông L, ông Ph xác định di sản của bố mẹ ông bà để lại là diện tích đất trồng cây lâu năm với diện tích là 390m² (diện tích thực tế là 418,4m²) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay bà Tr và anh Ch đang quản lý và sử dụng, về phần được hưởng di sản thừa kế của ông bà khi chia ông bà tự nguyện cho bà Tr và anh Ch và không yêu cầu phải trả chênh lệch.

Lời khai của anh Đ khai về hàng thừa kế như anh Ch khai, về di sản quyền lợi của anh được hưởng một phần di sản của mẹ anh để lại anh đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời khai của Th khai về hàng thừa kế như anh Ch khai, về phần di sản quyền lợi của chị được hưởng một phần di sản của mẹ chị để lại chị xin được cho anh Ch, không yêu cầu anh Ch trả chênh lệch.

Đối với hai chị Trương Thị Quỳnh A và Trương Thị Quỳnh H tòa án đã tiến hành cấp đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng cả hai chị không có ý kiến gì và không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đối với những người liên quan là ông Th, anh T, anh N, chị H và chị Th xác định di sản thừa kế là diện tích đất trồng cây lâu năm của cụ T và cụ B, mọi người xác định không có quyền lợi gì, chỉ xác định hiện đang sinh sống trên đất đó và có một số tài sản nằm trên đất đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà Đặng Thị Tr và bị đơn anh Trương Văn Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình là đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là quyền sử dụng 390m²(diện tích thực tế là 418,4m²) đất theo quy định của pháp luật, đồng thời xin được chia bằng hiện vật và sẽ có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác, ngoài ra bà Tr, anh Ch đều tự nguyện không yêu cầu thanh toán tiền công sức tôn tạo đối với diện tích đất trên. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ph và ông L giữ nguyên quan điểm là phần được hưởng di sản của hai ông tự nguyện cho bà Tr và anh Ch, không yêu cầu bà Tr và anh Ch phải trả tiền chênh lệch, ông Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không yêu cầu công sức tôn tạo, riêng anh Đ đề nghị được hưởng phần thừa kế của mẹ anh theo quy định của pháp luật.

Đối với những người có quyền lợi liên quan khác đã được cấp tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần 2 vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227,228 Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, cũng như quá trình thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định.

Các thành viên Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa có mặt đúng như trong quyết định, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đầy đủ và đúng quy định trong quá trình giải quyết vụ án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trương Thị Quỳnh A và Trương Thị Quỳnh H không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn chia hiện vật theo hiện trạng, ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế khác gồm bà Th, ông Ph, ông L, chị Th phân di sản được hưởng của mình cho bà Tr và anh Ch, anh Ch phải trả tiền chênh lệch cho anh Đ, chị Quỳnh A và Quỳnh H phần được hưởng thừa kế theo pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tr, anh Ch không yêu cầu công sức tôn tạo đối với di sản thừa kế, gia đình bà Tr, anh Ch tiếp tục được sử dụng tài sản của mình trên phần đất hiện đang sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay những người có quyền lợi liên quan gồm bà Th, chị Th, chị A, chị H, chị H, chị Th và anh N vắng mặt lần 2 cũng như có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về thời hiệu và quan hệ pháp luật: Cụ Đặng Bá T sinh năm 1915 mất ngày 12/02/2012, cụ Nguyễn Thị B sinh năm 1915 mất ngày 23/12/2005, bà Đặng Thị Th sinh năm 1947 mất ngày 07/6/ 2000, anh Trương Văn T sinh năm 1971 chết ngày 26/7/2007 không để lại di chúc, nên căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết của Quốc Hội về áp dụng Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế trong thời hạn luật định.

Những người hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Đặng Bá T và cụ Nguyễn Thị B gồm: Đặng Thị Th sinh năm 1943, Đặng Thị Th sinh năm 1947 đã chết năm 2005, Đặng Minh S sinh năm 1951 hy sinh năm 1969, Đặng Thế Ph sinh năm 1952, Đặng Đăng L sinh năm 1956 và bà Đặng Thị Tr sinh năm 1960. Những người thừa kế thế vị của bà Đặng Thị Th gồm anh Trương Văn T sinh năm 1971 chết năm 2007, Trương Văn Đ, chị Trương Thị Th và Trương Văn Ch, riêng ông Đặng Minh S đã hy sinh không có vợ con nên không có ai thừa kế thế vị. Những người thừa thế vị của anh Trương Văn T là chị Trương Thị Quỳnh A và Trương Thị Quỳnh H. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm các ông bà Th, ông Ph, ông L, chị Th tự nguyện nhường phần được hưởng di sản

của mình cho bà Tr và anh Ch, ý kiến của ông, bà là hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận sự tự nguyện đó.

Về di sản thừa kế có đủ căn cứ xác định di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 994/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện G ký ngày 27/7/2009 cấp cho cụ Đặng Bá T và cụ Nguyễn Thị B với diện tích là 390m² đất trồng cây lâu năm thời hạn sử dụng là 50 năm, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hiện tại thì tổng diện tích thực tế là 418,4 m² chênh với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 28,4 m², số diện tích đất chênh lệch này không có tranh chấp với ai nên Tòa án cần công nhận quyền sử dụng đất thực tế với giá trị là 418,4 m² x 200.000đ/m² = 83.680.000đ. Hiện nay gia đình bà Tr và gia đình anh Ch đã tự phân chia ranh giới và đã xây dựng một sổ công trình trên đất đã phân chia cụ thể gia đình bà Tr, ông Th đã xây dựng một nhà bê tông cốt thép hai tầng diện tích sử dụng khoảng 130m² xây năm 2008, 01 nhà tạm xây năm 2008 diện tích khoảng 45,9m², 01 mái vẩy lợp tôn khung thép làm năm 2013 diện tích là 16m², 18 m tường bao xây tường 110 cao 1,8m và 02 trụ cổng ngoài ra không có tài sản nào khác. Tài sản của anh Ch chị H gồm: 01 nhà cấp 4 xây tường 110 lợp bro xi măng đến năm 2008 sửa lại hoàn toàn diện tích khoảng 50,9m², 01 nhà cấp 4 diện tích 33,5m² xây năm 2013, 01 mái vẩy diện tích 17,5 m², 01 mái vẩy gắn liền với nhà cấp 4 làm năm 2013 diện tích là 21,2m² ngoài tài sản trên gia đình anh Ch, chị H không còn tài sản nào khác.

Về chia di sản cụ thể chia như sau: Thời điểm mở thừa kế của cụ B là năm 2005, cụ T là năm 2012, di sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 390m² nhưng thực tế đo là 418,4m² diện tích thực tế này không có tranh chấp gì nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận với diện tích thực tế và chấp nhận yêu cầu của bà Tr và anh Ch được chia bằng hiện vật và có trách nhiệm trả chênh lệch bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Yêu cầu này có cơ sở chấp nhận đối với yêu cầu của bà Tr và anh Ch.

Cụ thể chia cho anh Trương Văn Ch sử dụng với diện tích là 199,4m² và tiếp tục sử dụng toàn bộ tài sản trên phần đất của mình. Bà Tr được sử dụng 183,5 m² và toàn bộ tài sản trên đất. Công nhận diện tích 35,5m² đất là quyền sử dụng chung của bà Tr và anh Ch.

Phần di sản của bà Đặng Thị Th là 1/5 trên diện tích đất 418,4m² x 200.000đ = 83.680.000đ : 5 = 16.736.000đ. Như vậy phần di sản của bà Th là 16.736.000đ : 4 = 4.184.000đ.

Như vậy phần anh Đ được hưởng là 4.184.000đ, hai con của anh T mỗi người được hưởng là 2.092.000đ. Số tiền trả chênh lệch này anh Ch tự nguyện

trả cho anh Đ và hai con của anh T là Trương Thị Quỳnh A và Trương Thị Quỳnh H.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của bà Tr và anh Ch mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, , 649, 650, 651, 652, 660 , 357 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; các Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của bà Đặng Thị Tr

Xác nhận di sản thừa kế của cụ Đặng Bá T và cụ Nguyễn Thị B là diện tích 390m² (diện tích thực tế là 418,4m²) đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/7/2009 của UBND huyện G trị giá là 83.680.000đ.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị Th, ông Đặng Thế Ph, ông Đặng Đăng L và chị Trương Thị Th phân di sản được hưởng của mình cho bà Đặng Thị Tr và anh Trương Văn Ch.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị Tr, anh Trương Văn Ch và ông Bùi Đức Th không yêu cầu phải trả tiền công sức tôn tạo diện tích đất trồng cây lâu năm của cụ Đặng Bá T và cụ Nguyễn Thị B.

1/ Giao cho bà Đặng Thị Tr được sử dụng là 183,5m² trị giá 36.700.000đ , có các tứ cận như sau: Đông giáp nhà bà Ng dài 24,51m, Tây giáp phần đất của anh Ch dài 24m, Bắc giáp phần diện tích đất sử dụng chung có chiều dài 9,87m, Nam giáp phần đất ruộng dài 5,37m, tại thửa số 41, tờ bản đồ số 49.

2/ Giao cho anh Trương Văn Ch được quyền sử dụng là 199,4m² trị giá 39.880.000đ có các tứ cận như sau: Đông giáp phần đất bà Tr dài 27,43m , Tây giáp nhà ông T dài 28,70m, Nam giáp phần ruộng dài 7,31m, Bắc giáp nhà ông K dài 7,09m, tại thửa số 41, tờ bản đồ số 49.

3/ Xác định lối đi sử dụng chung có diện tích là 35,5m² trị giá 7.100.000đ của bà Đặng Thị Tr và anh Trương Văn Ch

(có hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo được đo vẽ ngày 18/4/2018)

Về phần tài sản của anh Trương Văn Ch và bà Đặng Thị Tr nằm trên phần đất được giao sử dụng được tiếp tục sử dụng.

4/ Buộc anh Trương Văn Ch phải thanh toán cho anh Trương Văn Đ số tiền là 4.182.000đ, thanh toán cho Trương Thị Quỳnh A và Trương Thị Quỳnh H mỗi người là 2.092.000đ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Tr phải chịu 2.090.000đ án phí dân sự sơ thẩm, tiền án phí trên được khấu trừ vào số tiền mà bà Đặng Thị Tr đã nộp là 10.796.000đ tại biên lai thu tiền số AA/2010/ 0003275 ngày 14/11/2017, hoàn trả lại cho bà Đặng Thị Tr số tiền 8.706.000đ; anh Trương Văn Ch phải chịu 2.090.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với những người có mặt, những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Trường hợp bản án được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-Các đương sự.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm

-Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

